

Số: 83 /2020 /QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2020/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Vi Văn S. Địa chỉ: Thôn Tân Lập A, xã Đắk H, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Chị Phan Thị M. Địa chỉ: Thôn Tân Lập A, xã Đắk H, huyện Đắk H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 55, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vi Văn S và chị Phan Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vi Văn S và chị Phan Thị M thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Hai đương sự xác nhận, ngày 05/6/2019 anh Vi Văn S có nhận nuôi cháu Vi Văn Q, sinh ngày 02/11/2015 là con đẻ của chị Phan Thị M làm con nuôi, nay hai đương sự thỏa thuận về việc nuôi cháu Vi Văn Q như sau: Giao cháu Vi Văn Q, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Phan Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, sống tự lập được và có khả năng lao động. Anh Vi Văn S không phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Quyền cho chị M.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu Vi Văn Q mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 ; Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm (*Thuận tình ly hôn*) là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, anh Vi Văn S nhận chịu toàn bộ số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Vi Văn S đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số AA/2016/ 0004316 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh Vi Văn S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Vi Văn S số tiền chênh lệch là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Pờ Y, h. Ngọc Hồi;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.